Trường

Tổ:

GV:

Ngày soạn: 22/9/2023

**TIẾT:38,39 ÔN TẬP GIỮA KỲ I**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Học sinh ôn tập kiến thức về luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận đã học. Hệ thống kiến thức giữa kỳ I

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận

**3. Phẩm chất:**

- Tích cực, tự giác trong học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “Điều em muốn nói”

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi phát vấn “Qua chủ đề LỜI SÔNG NÚI , em hãy bày tỏ cảm xúc của mình khi học xong các văn bản đọc trong chủ đề?”

- GV gọi HS chia sẻ

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tham gia chia sẻ câu trả lời

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- Phần trả lời của học sinh

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập lý thuyết**

**a. Mục tiêu:**

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành ôn tập các kiến thức về luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến nội dung bài học

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc lại phần kiến thức đã học trong phần Tri thức ngữ văn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV ôn tập lại lí thuyết cho học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV chốt kiến thức. | **1. Luận đề, luận điểm trong văn bản nghị luận**  - Luận đề là vấn đề được bàn luận trong văn bản nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt văn bản. Mỗi văn bản nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của văn bản. Luận đề trong văn bản nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.  - Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong văn bản nghị luận. Qua luận điểm được trình bày, có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.  **2. Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận**  Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong văn bản nghị luận. Mối liên hệ này có tính tầng bậc. Như đã nêu trên, văn bản nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục, cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về chủ đề LỜI SÔNG NÚI

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK trang 77

**c. Sản phẩm học tập:** Phần trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Bài tập SGK trang 77

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trình bày trước lớp

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

**- GV nhận xét, đánh giá**

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học tìm kiếm và sưu tầm một số bài thơ khác cùng chủ đề về quê hương, đất nước, tự hào dân tộc

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để tìm kiếm và sưu tầm những bài thơ khác cùng chủ đề về quê hương, đất nước, tự hào dân tộc

**c. Sản phẩm học tập**: Phần thực hiện nhiệm vụ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

**Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Soạn bài *tiếp theo*

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**\* Phụ lục:**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**\* Đáp án bài tập**

**Câu 1 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):**Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền các thông tin phù hợp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Thời điểm ra đời** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Hịch tướng sĩ |  |  |  |  |  |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Thời điểm ra đời** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** |
| Hịch tướng sĩ | Cuối thế kỷ 13 trước cuộc chiến tranh Nguyên Mông-Đại Việt lần 2 | Khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính | -  Tội ác của giặc và lòng căm thù giặc.  - Phê phán thói hưởng lạc cá nhân từ đó thức tỉnh tinh thần yêu nước của tướng sĩ  - Kêu gọi tướng sĩ | - Sự ngược ngạo, tàn ác, tham lam của quân giặc.  - Những thú vui tiêu khiển, sự giàu có cũng không thể chống lại quân giặc. Nếu để nước nhục thì chịu tiếng xấu muôn đời.  - Chỉ có luyện binh đánh giặc mới có thể chiến thắng, cửa nhà no ấm, tiếng thơm muôn đời.  - Dựa vào đạo thần chủ, trước sự xâm lược của quân Mông - Nguyên, Trần Quốc Tuấn coi giặc là kẻ thù không đội trời chung.  - Nếu không rửa nhục cho chủ, cho nước thì muôn đời để thẹn, không còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa. | - Những tấm gương trung thần nghĩa sĩ: Kỷ Tín, Do Vu, Dự Nhượng, Kính Đức, Cảo Khanh, Vương Công Kiên, Nguyễn Văn Lập, Cốt Đãi Ngột Lang, Xích Tu Tư. |
| Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Trong cuộc kháng chiến chống Pháp | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quý báu của ta | - Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. - Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. - Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước. - Bổn phận của chúng ta phải làm cho tinh thần yêu nước được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. | - Tinh thần yêu nước trong lịch sử (“ lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại”)  - Tinh thần yêu nước của nhân dân ta ngày nay (“đồng bào ta ngày nay...”) | - Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,...  -  “Mọi người dân từ trẻ đến già, từ miền xuôi đến miền ngược cùng một lòng yêu nước giết giặc, nam nữ công nhân và nông dân hăng hái tham gia sản xuất ... ” |

**Câu 2 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):**Kẻ bảng theo mẫu sau vào vở và điền thông tin phù hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác định luận điểm** | **Hịch tướng sĩ** | **Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.** |
| Luận điểm 1 | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: |
| Luận điểm 2 | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: |
| Luận điểm n | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: | - Đoạn từ … đến …  - Đoạn văn thuộc kiểu: |

**Trả lời:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Xác định luận điểm** | **Hịch tướng sĩ** | **Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.** |
| Luận điểm 1 | - Đoạn từ đầu đến “còn lưu tiếng tốt”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp | - Đoạn từ đầu đến “lũ cướp nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn diễn dịch |
| Luận điểm 2 | - Đoạn từ “huống chi ta” đến “ta cũng vui lòng”.  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song | - Đoạn từ “lịch sử ta” đến “dân tộc anh hùng”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗ hợp |
| Luận điểm 3 | - Đoạn từ “các ngươi ở cùng ta” đến “phỏng có được không”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp | - Đoạn từ “đồng bào ta” đến “lòng nồng nàn yêu nước”  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn hỗn hợp |
| Luận điểm 4 | - Đoạn từ “nay ta chọn binh pháp” đến hết  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn song song | - Đoạn từ “tinh thần yêu nước” đến hết  - Đoạn văn thuộc kiểu: đoạn văn quy nạp |

**Câu 3 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):**Từ các thông tin ở hai bảng trên, hãy rút ra những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận.

**Trả lời:**

Những đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận:

Một bài văn nghị luận có luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. Bài văn có luận điểm chính và luận điểm phụ:

+ Luận điểm ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định, diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu

+ Luận điểm cần đúng đắn, tiêu biểu mới khiến cho luận điểm có sức thuyết phục

+ Lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm, luận cứ phải chân thật, đúng đắn thì mới khiến luận điểm có sức thuyết phục

**Câu 4 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):**Nêu những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.

**Trả lời:**

Những điểm giống và khác nhau trong cách sử dụng bằng chứng ở hai văn bản Hịch tướng sĩ và Tinh thần yêu nước của nhân dân ta:

- Giống nhau: Dẫn chứng đều là những nhân vật có thật trong lịch sử.

- Khác nhau:

+ Hịch tướng sĩ dùng dẫn chứng để khích lệ binh lính chiến đấu.

+ Tinh thần yêu nước của nhân dân ta dùng dẫn chứng để bày tỏ truyền thống yêu nước của dân tộc.

**Câu 5 (trang 77 sgk Ngữ văn 8 Tập 1):**Tìm đọc một văn bản nghị luận bàn về vấn đề xã hội, ghi vào vở luận đề, các luận điểm, các kiểu đoạn văn được sử dụng ở văn bản đó.

**Trả lời:**

Ví dụ văn bản: Phải chăng chỉ có ngọt nào mới làm nên hạnh phúc – Phạm Thị Ngọc Diễm.

- Luận đề: Phải chăng chỉ có ngọt ngào làm nên hạnh phúc?

- Luận điểm:

+ Ngọt ngào là hạnh phúc

+ Hạnh phúc không chỉ đến từ những điều ngọt ngào ấy, nó còn có thể được tạo nên bởi những vất vả, mệt nhọc, thậm chỉ là nỗi đau.

- Các kiểu đoạn văn:

+ Đoạn 1: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 2: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 3: Đoạn văn hỗn hợp

+ Đoạn 4: Đoạn văn diễn dịch

+ Đoạn 5: Đoạn văn quy nạp

+ Đoạn 6: Đoạn văn hỗn hợp

|  |
| --- |
| **TIẾT 40,41 KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I** |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

Sau khi học xong bài này, học sinh:

**a) Kiến thức**

- Nắm vững kiến thức đã học về phân môn Văn, Tiếng Việt, Tập làm văn trong giữ học kì I.

- Vận dụng, tổng hợp kiến thức, làm bài thi.

**b) Kĩ năng**

- Có kĩ năng tổng hợp kiến thức, làm bài thi.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

**a) Các phẩm chất**

**-** Có ý thức sáng tạo.

**b) Các năng lực chung**

- Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ;

**c) Các năng lực chuyên biệt**

**-** Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tạo lập văn bản.

**II. CHUẨN BỊ.**

**Thầy**: Đề kiểm tra

**Trò**: Học bài cũ.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1**. **Tổ chức dạy và học bài mới**.

- GV phát đề cho học sinh

- HS làm bài

- GV thu bài, nhận xét

**2. HĐ tìm tòi mở rộng**

- Ôn tập lại các đơn vị kiến thức.

- Soạn bài mới